

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP THI HỌC KÌ I- MÔN : LỊCH SỬ 10
NĂM HỌC: 2023 – 2024

Bài 1: Lịch sử hiện thực và nhận thức lịch sử

Câu 1: Khái niệm nào sau đây là đúng?

- A. Lịch sử là những gì diễn ra trong quá khứ.
- B. Lịch sử là những gì diễn ra ở mỗi dân tộc.
- C. Lịch sử là những gì diễn ra ở mỗi quốc gia.
- D. Lịch sử là quá trình tiến hóa của con người.

Câu 2: Lịch sử được hiểu theo những nghĩa nào sau đây?

- A. Tái hiện lịch sử và học tập lịch sử.
- B. Hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.
- C. Nhận thức lịch sử và hiểu biết lịch sử.
- D. Hiện thực lịch sử và tái hiện lịch sử.

Câu 3: Đối tượng nghiên cứu của Sử học là

- A. quá trình phát triển của loài người.
- B. những hoạt động của loài người.
- C. quá trình tiến hóa của loài người.
- D. toàn bộ quá khứ của loài người.

Câu 4: Nhiệm vụ nào là quan trọng nhất trong công tác chuẩn bị sử liệu khi tiến hành tìm hiểu và khám phá lịch sử?

- A. Suru tầm, tìm kiếm thông tin sử liệu.
- B. Thăm định nguồn thôn tin sử liệu.
- C. Suru tầm và xử lí thông tin sử liệu.
- D. Đánh giá nguồn thông tin sử liệu.

Bài 3: Sử học với các lĩnh vực khoa học công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên và phát triển du lịch

Câu 1: Trong xu thế hội nhập hiện nay, một trong những ngành có thế mạnh và giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế- xã hội ở nhiều quốc gia là

- A. du lịch.
- B. kiến trúc.
- C. thương mại.
- D. dịch vụ.

Câu 2: Ngành nào sau đây đã góp phần thúc đẩy bảo vệ di sản văn hóa, di tích lịch sử của các quốc gia?

- A. Du lịch.
- B. Kiến trúc.
- C. Kinh tế.
- D. Dịch vụ.

Câu 3: Công tác bảo vệ, bảo quản, tu bổ, phục hồi...di sản được xem là nhiệm vụ

- A. thường xuyên.
- B. lâu dài.
- C. trước mắt.
- D. xuyên suốt.

Câu 4: Điều cốt lõi trong hoạt động bảo tồn di sản là phải đảm bảo tính

- A. kế thừa.
- B. nguyên trạng.
- C. tái tạo.
- D. nhân tạo.

Câu 5: Di sản nào sau đây được xem là di sản văn hóa vật thể ?

- A. Đàn ca tài tử.
- B. Nghệ thuật ca trù.
- C. Hát xướng, hát xoan.
- D. Thành quách, lăng tẩm.

Câu 6: Di sản nào sau đây được xem là di sản văn hóa phi vật thể ?

- A. Cung điện.
- B. Nhà cổ.
- C. Lăng tẩm.
- D. Hát ví dặm.

Bài 4: Khái niệm văn minh. Một số nền văn minh phương Đông thời kì cổ - trung đại

Câu 1: Đây là khái niệm văn minh của loài người?

- A. Là sự tiến bộ về vật chất và tinh thần.
- B. Là sự phát triển rất cao về giáo dục và văn hóa.
- C. Là sự đi đầu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ.
- D. Là sự chuyển hóa thành công từ vượn thành người.

Câu 2: Đây là khái niệm văn hóa của loài người?

- A. Là những đòi hỏi của con người về vật chất và tinh thần.
- B. Là sự phát triển rất cao về giáo dục và khoa học công nghệ.
- C. Là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra.
- D. Là những tiêu chuẩn cơ bản để cải thiện cuộc sống của con người.

Câu 3: Vì sao các nền văn minh ở phương Đông ra đời sớm, khoảng nửa sau thiên niên kỉ thứ IV TCN?

- A. Vì phương Đông là nơi phát sinh nguồn gốc loài người.
- B. Có khí hậu nhiệt đới gió mùa, thích hợp trồng cây lúa nước.
- C. Có đường bờ biển dài, thuận lợi để buôn bán đường biển phát triển.
- D. Đất đai màu mỡ, phì nhiêu, thuận lợi để phát triển nông nghiệp.

Câu 4: Điểm giống và nổi bật của nền văn minh Ai Cập với các nền văn minh hình thành ở các khu vực khác ở phương Đông về

- A. đất đai thích hợp trồng các loại cây lâu năm.
- B. đều hình thành trên lưu vực sông lớn.
- C. địa hình nhiều núi và cao nguyên.
- D. điều kiện thuận lợi cho buôn bán đường biển.

Bài 5: Một số nền văn minh phương Tây thời cổ - trung đại

Câu 1: Ngành kinh tế chủ đạo của người Hy Lạp – La Mã cổ đại là

- A. nông nghiệp, thủ công nghiệp.
- B. nông nghiệp, thương nghiệp.
- C. lâm nghiệp, ngư nghiệp.
- D. thủ công nghiệp, thương nghiệp.

Câu 2: Văn học phương Tây hình thành trên cơ sở nền văn học cổ đại đồ sộ của

- A. Đức.
- B. Anh.
- C. Hy Lạp - La Mã.
- D. Pháp.

Câu 3: Thành tựu tính lịch 1 năm có 365 ngày và $\frac{1}{4}$ ngày là thành quả rất lớn của người

- A. Hy Lạp.
- B. La Mã.
- C. Ai Cập.
- D. Trung Quốc.

Câu 4: Tôn giáo cổ xưa nhất và được coi là chính thống giáo của người Hy Lạp - La Mã cổ đại là

- A. Phật giáo.
- B. Nho giáo.
- C. Cơ Đốc giáo (Kì tô giáo).
- D. Hin-đu giáo.

Bài 6: Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại

Câu 1: Quốc gia khởi đầu trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra vào giữa thế kỉ XVIII là

- A. Anh.
- B. Mỹ.
- C. Đức.
- D. Pháp.

Câu 2: Ở thế kỉ XVIII, những tiến bộ về kĩ thuật ở Anh chủ yếu diễn ra trong các ngành nào?

- A. Dệt, luyện kim và phát minh máy móc.
- B. Ngành luyện kim, khai thác mỏ và dệt.
- C. Dệt, luyện kim và giao thông vận tải.
- D. Khai thác mỏ, dệt và giao thông vận tải.

Câu 3: Năm 1807, Rô-bốt Phơ-nơ đã chế tạo thành công

- A. đầu máy xe lửa chạy trên đường ray đầu tiên.
- B. tàu thủy chạy chở khách chạy bằng hơi nước.
- C. máy kéo sợi chạy bằng sức nước.
- D. máy bay chạy bằng động cơ xăng.

Câu 4: Phát minh nào trong cuộc cách mạng công nghiệp đã tạo tiền đề cho sự ra đời và phát triển của ô tô, máy bay và thúc đẩy ngành khai thác dầu mỏ?

- A. Phương pháp nấu than cốc.
- B. Chế tạo ra hệ thống máy tự động.
- C. Phát minh động cơ đốt trong.
- D. Phương pháp luyện kim “put-đinh”.

Câu 5: Giê-m Oát là người đã phát minh ra

- A. con thoi bay. B. máy dệt. C. máy hơi nước. D. đầu máy xe lửa.

Câu 6: Thành tựu khoa học và kỹ thuật quan trọng nhất của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX là

- A. máy hơi nước và điện.
B. động cơ đốt trong và ô tô.
C. máy hơi nước và điện thoại.
D. điện và động cơ đốt trong.

Câu 7: “Ông vua xe hơi” nước Mỹ là ai?

- A. Tô-mát Ê-đi-xơn. B. Hen-ri Pho. C. Can Ben. D. Hen-ri Bê-sê-mơ.

Câu 8: Trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất ở thế kỷ XVIII - XIX, phát minh kỹ thuật nào đã tạo ra bước chuyển căn bản trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa?

- A. Động cơ đốt trong. B. Máy kéo sợi Gien-ni.
C. Máy tính điện tử. D. Máy hơi nước.

Câu 9: Nội dung nào dưới đây phản ánh **không** đúng ý nghĩa của việc phát minh ra máy hơi nước ở Anh (1784)?

- A. Lao động bằng tay được thay thế dần bằng máy móc.
B. Tốc độ sản xuất và năng suất lao động tăng vượt bậc.
C. Tạo ra động lực mới, khởi đầu quá trình công nghiệp hóa.
D. Biển nước Anh trở thành “công xưởng của thế giới”.

Câu 10: Tác dụng của việc phát minh ra phương pháp sử dụng lò cao trong luyện kim trong cuộc cách mạng công nghiệp ở thế kỷ XVIII – XIX là

- A. thúc đẩy việc ứng dụng điện vào cuộc sống.
B. dẫn đến sự ra đời của các nguyên liệu mới.
C. dẫn đến sự ra đời và phát triển của động cơ học.
D. đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa đất nước.

Câu 11: Cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại **không** có những tác động nào sau đây?

- A. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động.
B. Hình thành và phát triển các trung tâm công nghiệp, thành thị.
C. Gây ô nhiễm môi trường, bóc lột lao động và xâm chiếm thuộc địa.
D. Thúc đẩy toàn cầu hóa, tự động hóa, thương mại điện tử, tự do thông tin.

Câu 12: Nội dung nào **không** phản ánh đúng hệ quả tích cực của cuộc cách mạng công nghiệp thời kỳ cận đại?

- A. Thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất.
B. Nhiều trung tâm công nghiệp mới hình thành.
C. Thúc đẩy chuyển biến mạnh mẽ trong nông nghiệp.
D. Giải quyết triệt để mâu thuẫn trong xã hội tư bản.

Câu 13: Đặc trưng cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp cuối thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX là

- A. sử dụng năng lượng nước, hơi nước và cơ giới hóa sản xuất.
B. ứng dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất.
C. sử dụng năng lượng điện với sự ra đời của các dây chuyền sản xuất hàng loạt.
D. quy trình, phương thức sản xuất được tối ưu hóa dựa trên nền tảng công nghệ số.

Câu 14: Nội dung nào **không** phản ánh đúng những tác động tiêu cực của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại?

- A. Ô nhiễm môi trường.
- B. Bóc lột lao động phụ nữ và trẻ em.
- C. Người lao động có nguy cơ mất việc làm.
- D. Sự xâm chiếm và tranh giành thuộc địa.

Câu 15: Một trong những hệ quả tiêu cực của các cách mạng công nghiệp thời kì cận đại là

- A. sản xuất nông nghiệp chuyển sang phương thức chuyên canh hoặc thâm canh.
- B. hình thành hai giai cấp cơ bản trong xã hội tư bản là giai cấp tư sản và vô sản.
- C. cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản không ngừng tăng lên.
- D. sự ra đời của nhiều trung tâm công nghiệp mới và thành thị đông dân xuất hiện.

Câu 16: Nội dung nào dưới đây phản ánh **không** đúng về kết quả của các cuộc cách mạng công nghiệp ở các nước tư bản thời kì cận đại?

- A. Hình thành hai giai cấp cơ bản trong xã hội tư bản là tư sản và vô sản.
- B. Góp phần thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp và giao thông vận tải.
- C. Nâng cao năng suất lao động và làm thay đổi bộ mặt các nước tư bản.
- D. Làm tiền đề dẫn đến sự bùng nổ các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu.

Câu 17: Cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra vào nửa sau thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX ở châu Âu là quá trình

- A. công nghiệp hóa, hiện đại hóa các nước tư bản châu Âu.
- B. hình thành hai giai cấp cơ bản là tư sản và công nhân.
- C. cơ khí hóa nền sản xuất thay thế cho lao động thủ công.
- D. hình thành nền tảng kinh tế của chủ nghĩa tư bản.

Câu 18: Ở thế kỉ XVIII, nhà phát minh vĩ đại nào được tôn vinh là “người nhân lên gấp bội sức mạnh của con người”?

- A. Giêm Oát.
- B. Giêm Ha-gri-vơ.
- C. Ác-crai-tơ.
- D. Ét-mon Các-rai.

Câu 19: Ở cuối thế kỉ XIX, nhà phát minh nào được xem là: “Cha đẻ của mặt trời thứ hai”?

- A. Louis Pasteur.
- B. Thomas Edison.
- C. Albert Elnsetein.
- D. James Watt.

Bài 7: Cách mạng công nghiệp thời hiện đại

Câu 1: Thời hiện đại, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba còn được gọi là

- A. cách mạng 4.0.
- B. cách mạng khoa học – công nghệ.
- C. cách mạng kĩ thuật.
- D. cách mạng công nghệ.

Câu 2: Thành tựu quan trọng đầu tiên của các mạng công nghiệp lần thứ ba là

- A. rô bốt.
- B. vệ tinh.
- C. tàu chiến.
- D. máy tính.

Câu 3: Trong cách mạng công nghiệp lần thứ ba, bước tiến quan trọng của ngành công nghệ thông tin là

- A. mạng kết nối Internet không dây.
- B. mạng kết nối Internet có dây.
- C. máy tính điện tử.
- D. vệ tinh nhân tạo.

Câu 4: Rô bốt đầu tiên được cấp quyền công dân như con người là

- A. Xô phiá.
- B. Robear.
- C. Paro.
- D. Asimo.

Câu 5: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn được gọi là

- A. cách mạng kĩ thuật số.
- B. cách mạng công nghiệp nhẹ.
- C. cách mạng kĩ thuật.
- D. cách mạng 4.0.

Câu 6: Kho dữ liệu khổng lồ rất quan trọng trong sự phát triển của công nghệ trong thời đại 4.0 đó là

- A. Cloud.
- B. AI.
- C. In 3D.
- D. Big Data.

Câu 7: Thành tựu trong công cuộc chinh phục vũ trụ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba gắn liền với hai cường quốc Mỹ và

- A. Anh. B. Trung Quốc. C. Liên Xô. D. Ấn Độ.

Câu 8: Thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư **không** bao gồm

- A. internet. B. máy hơi nước. C. công nghệ thông tin. D. máy tính.

Câu 9: Tự động hóa và công nghệ rô bốt ra đời có điểm hạn chế là gì?

- A. Nguy cơ người lao động bị mất việc làm.
B. Gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường.
C. Gây ra sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội.
D. Con người bị lệ thuộc vào thiết bị thông minh.

Câu 10: Những thành tựu đạt được trong các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đã đưa loài người bước sang thời đại

- A. “văn minh công nghiệp”. B. “văn minh nông nghiệp”.
C. “văn minh thông tin”. D. “văn minh siêu trí tuệ”.

Câu 11: Ý nào sau đây **không** phải là thành tựu cơ bản của cách mạng công nghiệp lần thứ ba?

- A. Trí tuệ nhân tạo (AI). B. Mạng Internet không dây.
C. Máy tính. D. Chinh phục vũ trụ.

Câu 12: Chức năng chính của Xôphia – rô bốt đầu tiên được cấp quyền công dân là

- A. làm việc trong dây chuyền sản xuất. B. dọn dẹp.
C. trò chuyện với con người. D. chinh phục vũ trụ.

Câu 13: Trong cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thành tựu nào đã giúp giải phóng sức lao động con người, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm công nghiệp?

- A. Tự động hóa. B. Công nghệ rô bốt.
C. Tự động hóa và Công nghệ rô bốt. D. Công nghệ in 3D.

Câu 14: Sự phát triển của Internet hiện nay làm cho việc tìm kiếm và chia sẻ thông tin vô cùng nhanh chóng và thuận tiện, tuy nhiên nó cũng có hạn chế về

- A. thay đổi thể giới quan của con người.
B. dễ bị thâm nhập, đánh mất dữ liệu cá nhân.
C. con người bị lệ thuộc vào thiết bị thông minh.
D. tính chính xác của thông tin được chia sẻ.

Câu 15: Năm 1946, sự ra đời của máy tính ENIAC đã góp phần quan trọng trong việc đặt nền móng cho

- A. mạng internet. B. máy tính điện tử.
C. công nghệ in 3D. D. công nghệ na nô.

Câu 16: Nhận định nào đúng nhất về sản phẩm cừu “Đô-li” trong cuộc cách mạng công nghiệp hiện đại?

- A. Cừu “Đô-li” là sản phẩm của kĩ thuật nhân bản vô tính.
B. Cừu “Đô-li” là sản phẩm của kĩ thuật nhân bản kĩ thuật cao.
C. Cừu “Đô-li” là sản phẩm của kĩ thuật in 3D.
D. Cừu “Đô-li” là sản phẩm của công nghệ na-no.

Câu 17: Trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thành tựu nào được sử dụng trong các lĩnh vực quản lý đô thị, thời trang?

- A. Internet vạn vật. B. Trí tuệ nhân tạo.
C. Công nghệ in 3D. D. Công nghệ na nô.

Câu 18: Cách mạng công nghiệp 4.0 có những tác động tích cực đối với nhân loại, tuy nhiên nó cũng có điểm hạn chế về vấn đề

- A. ô nhiễm môi trường.
- B. an ninh mạng.
- C. quyền riêng tư.
- D. an ninh mạng và quyền riêng tư.

Bài 8, 9: Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại

Câu 1: Công trình kiến trúc nào **không** thuộc Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại?

- A. Đền tháp Bô-rô-bu-đua (In-đô-nê-xi-a).
- B. Kinh thành Huế (Việt Nam).
- C. Đền Ăng-co-vát (Cam-pu-chia).
- D. Chùa Vàng (Mi-an-ma).

Câu 2: Từ thế kỉ VII đến cuối thế kỉ XV là giai đoạn văn minh Đông Nam Á

- A. bước đầu hình thành.
- B. bước đầu phát triển.
- C. phát triển rực rỡ.
- D. tiếp tục phát triển.

Câu 3: Ba nhóm chính trong tín ngưỡng bản địa của Đông Nam Á **không** bao gồm

- A. tín ngưỡng sùng bái tự nhiên.
- B. tín ngưỡng phồn thực.
- C. tín ngưỡng thờ cúng người đã mất.
- D. Phật giáo, Nho giáo.

Câu 4: Trước khi sáng tạo ra chữ viết riêng, một số cư dân Đông Nam Á sử dụng

- A. chữ viết cổ của Ấn Độ.
- B. chữ Chăm cổ.
- C. chữ Khơ-me cổ.
- D. chữ Nôm.

Câu 5: Thể loại văn học dân gian ra đời ở Đông Nam Á thời cổ trung đại là

- A. truyện ngắn.
- B. kí sự.
- C. tản văn.
- D. thần thoại.

Câu 6: Sau khi chữ viết ra đời cư dân Đông Nam Á cổ trung đại đã tạo dựng nền văn học

- A. dân gian.
- B. viết.
- C. chữ Hán.
- D. chữ Phạn.

Câu 7: Thời cổ trung đại, Hin-đu giáo du nhập vào Đông Nam Á là tôn giáo có nguồn gốc từ

- A. Trung Quốc.
- B. phương Tây.
- C. Ấn Độ.
- D. Ả Rập.

Câu 8: Nghệ thuật kiến trúc Đông Nam Á thời kì cổ trung đại chịu ảnh hưởng mạnh mẽ kiến trúc Hồi giáo và kiến trúc

- A. Ấn Độ.
- B. Trung Hoa.
- C. phương Tây.
- D. Nhật Bản.

Câu 9: Quần thể chùa tháp Pa-gan là một trung tâm kiến trúc kì vĩ nằm ở quốc gia Đông Nam Á nào?

- A. Cam-pu-chia.
- B. Mi-an-ma.
- C. Ma-lai-xi-a.
- D. Thái Lan.

Câu 10: Thời cổ trung đại, tôn giáo nào sau đây đã trở thành quốc giáo ở một số quốc gia Đông Nam Á trong một thời gian dài?

- A. Thiên Chúa giáo.
- B. Bà-la-môn giáo.
- C. Phật giáo.
- D. Hin-đu giáo.

Câu 11: Đền, chùa, tháp là các công trình kiến trúc thuộc dòng kiến trúc

- A. dân gian.
- B. tôn giáo.
- C. cung đình.
- D. tâm linh.

Câu 12: Những tác phẩm điêu khắc nào sau đây **không** mang tính chất tôn giáo?

- A. tượng thần.
- B. tượng Phật.
- C. phù điêu.
- D. chạm nổi hình rồng.

Câu 13: Thời cổ đại, các nước Đông Nam Á sáng tạo thành chữ viết của mình trên cơ sở tiếp nhận nhiều chữ viết từ bên ngoài, **ngoại trừ**

- A. chữ La-tinh.
- B. chữ Phạn.
- C. chữ Hán.
- D. chữ Ấn Độ.

Câu 14: Công trình nào sau đây thuộc kiến trúc Phật giáo điển hình?

- A. Đền tháp Bô-rô-bu-đua (In-đô-nê-xi-a).
- B. Kinh thành Huế (Việt Nam).
- C. Đền Ăng-co-vát (Cam-pu-chia).
- D. Thánh địa Mỹ Sơn (Việt Nam).

Câu 15: Ngoài ảnh hưởng sâu sắc từ Ấn Độ và Trung Hoa, văn học Đông Nam Á còn chịu ảnh hưởng từ văn học

- A. phương Tây và Nhật Bản.
- B. Ả Rập và phương Tây.
- C. Nhật Bản và Ả Rập.
- D. Ả Rập và Thổ Nhĩ Kỳ.

Câu 16: Thế kỉ XI-XII, trên cơ sở tiếp thu một phần chữ Hán của Trung Quốc, người Việt đã sáng tạo ra chữ viết riêng là

- A. chữ Chăm cổ.
- B. chữ Nôm.
- C. Chữ Khơ-me cổ.
- D. chữ Mã Lai cổ.

Câu 17: Đông Nam Á là khu vực đa tôn giáo, nhìn chung các tôn giáo ở đây

- A. cùng tồn tại và phát triển hòa hợp.
- B. cùng tồn tại, phát triển nhưng ít hòa hợp.
- C. phát triển độc lập, đôi lúc có xung đột.
- D. không thể cùng tồn tại, phát triển lâu dài.

Câu 18: Văn học Việt Nam thời phong kiến chịu ảnh hưởng cả về hình thức và nội dung từ văn học

- A. Ấn Độ.
- B. Nhật Bản.
- C. Trung Quốc.
- D. phương Tây.

Câu 19: Tác phẩm văn học viết nào của Việt Nam thời phong kiến còn được lưu giữ đến ngày nay?

- A. Kim Vân Kiều.
- B. Đẻ đất, đẻ nước.
- C. Ra-ma-ya-na.
- D. Truyện Kiều.

Câu 20: Một trong những đặc trưng của tín ngưỡng bản địa Đông Nam Á là

- A. gần gũi với cuộc sống của xã hội nông nghiệp.
- B. cầu sinh sôi nảy nở, mưa thuận gió hòa.
- C. lai tạp nhiều yếu tố văn hóa phương Đông.
- D. ảnh hưởng Ấn Độ, Trung Hoa rõ nét.

Câu 21: Ngày nay ở Đông Nam Á, quốc gia nào được xem là quốc gia Hồi giáo lớn nhất?

- A. Ma-lai-xi-a.
- B. In-đô-nê-xi-a.
- C. Phi-lip-pin.
- D. Mi-an-ma.

Câu 22:

*“Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba”*

Ngày giỗ tổ Hùng Vương của Việt Nam hàng năm là một biểu hiện của hình thức thức tín ngưỡng, tôn giáo nào?

- A. Phật giáo.
- B. Tín ngưỡng thờ thần.
- C. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.
- D. Hin-đu giáo.

Câu 23: Ý nào là nguy cơ của nền văn minh Đông Nam Á trước xu thế toàn cầu hóa của nhân loại hiện nay?

- A. Phát triển ngày càng đa dạng, phong phú hơn.
- B. Tiếp nhận thêm nhiều yếu tố văn hóa mới tích cực.
- C. Đánh mất dần bản sắc văn hóa của các dân tộc.
- D. Học hỏi được những tiến bộ kĩ thuật bên ngoài.

Bài 10 : Văn minh Văn Lang- Âu Lạc

Câu 1: Nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc còn được gọi là văn minh

- A. Sông Hồng.
- B. Phù Nam.
- C. Sa Huỳnh.
- D. Trống đồng.

Câu 2: Địa bàn cư trú chủ yếu của cư dân Văn Lang-Âu Lạc thuộc khu vực nào trên lãnh thổ nước ta ngày nay?

- A. Khu vực Bắc bộ và Bắc Trung bộ.
- B. Khu vực Trung bộ ngày nay.
- C. Khu vực Nam bộ ngày nay.
- D. Cư trú rải rác trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Câu 3: Kinh tế chính của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là

- A. săn bắn, hái lượm.
- B. nông nghiệp lúa nước.
- C. thương nghiệp.
- D. thủ công nghiệp.

Câu 4: Bộ máy nhà nước Văn Lang - Âu Lạc được tổ chức theo 3 cấp từ trên xuống đứng đầu lần lượt là

- A. Vua –Quan văn, quan võ – Lạc dân.
- B. Vua – Lạc hầu, Lạc tướng – Tù trưởng.
- C. Vua – Quý tộc, vương hầu – Bô chính.
- D. Vua – Lạc hầu, Lạc tướng – Bô chính.

Câu 5: Hiện vật nào sau đây tiêu biểu cho trình độ chế tác của cư dân Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Trống đồng Đông Sơn.
- B. Tiền đồng Óc Eo.
- C. Phù điêu Khương Mỹ.
- D. Tượng phật Đồng Dương.

Câu 6: Văn minh Văn Lang - Âu Lạc ra đời vào khoảng thế kỉ VII TCN, gắn với nền văn hóa nào dưới đây?

- A. Văn hóa Óc Eo.
- B. Văn hóa Đông Sơn.
- C. Văn hóa Sa Huỳnh.
- D. Văn hóa Hòa Bình.

Câu 7: Trong đời sống thường ngày, nam giới người Việt cổ mặc trang phục như thế nào?

- A. Mặc áo ngắn, đóng khố, đi guốc mộc.
- B. Mặc áo the, đội khăn xếp, đi guốc mộc.
- C. Đóng khố, để mình trần, đi chân đất.
- D. Đóng khố, đi dép làm từ mo cau.

Câu 8: Loại hình nhà ở phổ biến của người Việt cổ là

- A. nhà tranh vách đất.
- B. nhà mái bằng xây từ gạch.
- C. nhà trệt xây từ gạch.
- D. nhà sàn làm từ gỗ, tre, nứa.

Câu 9: Kinh đô của nhà nước Văn Lang được đặt tại đâu?

- A. Phong Châu (Việt Trì, Phú Thọ).
- B. Phong Khê (Đông Anh, Hà Nội).
- C. Vùng cửa sông Tô Lịch (Hà Nội).
- D. Vùng cửa sông Bạch Đằng (Hải Phòng).

Câu 10: Thời Văn Lang - Âu Lạc, đứng đầu các chiềng, chạ là

- A. Quan Lang.
- B. Lạc hầu.
- C. Lạc tướng.
- D. Bô chính.

Câu 11: Đặc điểm chung của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam là

- A. hình thành bên lưu vực của các con sông lớn.
- B. có sự giao thoa giữa văn hóa bản địa và bên ngoài.
- C. chịu ảnh hưởng từ nền văn hóa Trung Hoa.
- D. lấy phát triển thương nghiệp làm kinh tế chính.

Câu 12: Nội dung nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành của nhà nước Văn Lang-Âu Lạc?

- A. Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế nông nghiệp.
- B. Chịu ảnh hưởng từ các nền văn minh bên ngoài: Ấn Độ, Trung Hoa.
- C. Sự tan rã của công xã nguyên thủy dẫn đến sự phân hóa xã hội.
- D. Xuất phát từ nhu cầu đoàn kết phát triển kinh tế, chống ngoại xâm.

Câu 13: Nội dung **không** phản ánh đúng đời sống tinh thần của người Việt cổ trong xã hội Văn Lang - Âu Lạc?

- A. Hoạt động kinh tế chính là nông nghiệp lúa nước.
- B. Tín ngưỡng phồn thực, thờ cúng ông bà tổ tiên.
- C. Tục xăm mình, ăn trầu, nhuộm răng đen.
- D. Âm nhạc phát triển cả về nhạc cụ lẫn loại hình biểu diễn.

Câu 14: Nhân vật lịch sử nào được đề cập đến trong câu đố sau?

*Vua nào công đức lưu danh,
Dựng nước Âu Lạc, xây thành Cổ Loa?*

- A. An Dương Vương.
- B. Hùng vương.
- C. Lý Nam Đế.
- D. Triệu Việt Vương.

Câu 15: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng các tín ngưỡng của người Việt cổ?

- A. Thờ Thiên Chúa.
- B. Thờ các vị thần tự nhiên.
- C. Thờ cúng tổ tiên.
- D. Thờ các vị thủ lĩnh.

Câu 16: Người Việt cổ **không** có phong tục nào dưới đây?

- A. Ăn trầu.
- B. Xăm mình.
- C. Làm bánh chưng, bánh dày.
- D. Lì xì cho trẻ em vào dịp Tết.

Câu 17: Nhận xét nào sau đây thể hiện **đúng** đặc điểm của bộ máy nhà nước Văn Lang-Âu Lạc?

- A. Xây dựng bộ máy chuyên chế ở trình độ cao.
- B. Bộ máy nhà nước đảm bảo tính dân chủ.
- C. Bộ máy nhà nước sơ khai chưa thể hiện chủ quyền.
- D. Tổ chức đơn giản, sơ khai nhưng thể hiện được chủ quyền.

Câu 18: Nhận xét nào dưới đây là **không** đúng về vai trò của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc đối với tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam?

- A. Là nền văn minh đầu tiên của dân tộc Việt Nam.
- B. Phác họa và định hình bản sắc dân tộc, tránh nguy cơ bị đồng hóa.
- C. Đưa Việt Nam trở thành quốc gia giàu mạnh nhất khu vực.
- D. Đặt nền tảng cho sự phát triển của các nền văn minh sau này.

Câu 19: Nội dung nào sau đây mô tả **không đúng** về nhà nước Âu Lạc?

A. Có vũ khí tốt, thành Cổ Loa kiên cố.

B. Kinh đô đóng tại Cổ Loa.

C. Lãnh thổ thu hẹp hơn so với Văn Lang.

D. Đứng đầu nhà nước là An Dương Vương.

Câu 20: Nội dung nào sau đây mô tả **đúng** về nhà nước Văn Lang?

A. Có vũ khí tốt, thành Cổ Loa kiên cố.

B. Kinh đô đóng tại vùng Phong Khê.

C. Chưa có quân đội và chữ viết.

D. Đứng đầu nhà nước là An Dương Vương.

Câu 21: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng đời sống vật chất của cư dân Việt cổ?

A. Nguồn lương thực chủ yếu là gạo nếp, gạo tẻ.

B. Lấy thương mại đường biển làm nguồn sống chính.

C. Nhà ở phổ biến là kiểu nhà sàn từ gỗ, tre, nứa,...

D. Phương tiện đi lại chủ yếu trên sông là thuyền, bè.

Câu 22: Nội dung nào dưới đây mô tả **không đúng** bộ máy nhà nước thời Văn Lang?

A. Đứng đầu đất nước là Vua Hùng.

B. Lạc tướng đứng đầu các bộ.

C. Cả nước được chia làm 30 bộ.

D. Bô chính cai quản các chiềng, chạ.

Câu 23: Toàn bộ quá khứ của loài người là

A. quá trình phát triển của loài người.

B. những hoạt động của loài người.

C. quá trình tiến hóa của loài người.

D. đối tượng nghiên cứu của Sử học

TỰ LUẬN

Câu 1: Những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại đã tác động như thế nào đến cuộc sống và học tập của em? Em sẽ làm gì để phát huy những tác động tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực đến từ cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đem lại?

Câu 2. Nêu các tín ngưỡng và tôn giáo của cư dân nền văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại?

Câu 3. Nêu đời sống vật chất của cư dân nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc?

..... CHÚC CÁC EM ÔN THI TỐT.....